

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

(Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0103011186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 0500233549 ngày 08/11/2018)

Địa chỉ: Km9 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024.3)8541022/ 8543422 Fax: (024.3)8542276

NĂM 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Giới thiệu chung

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ**
- Tên tiếng Anh: **MACHINERY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **MACHINCO1**



- Logo: **MACHINCO1**
- Trụ sở chính: Km9 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024.3) 8541022/ 8543422 Fax: (024.3) 8542276
- Website: www.machinco1.com.vn
- Giấy CNĐKKD số 0103011186 do: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 số 0500233549 ngày 08/11/2018.
- Vốn điều lệ: **52.897.150.000 đồng** (Năm mươi hai tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **52.897.150.000 đồng** (Năm mươi hai tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).
- Mã cổ phiếu: MA1

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Thiết bị được thành lập trên cơ sở sáp nhập nhiều đơn vị, qua mỗi thời kỳ khác nhau thì lại có sự sáp nhập, tách chuyển hoặc đổi tên theo sự chuyển đổi của đơn vị chủ quản. Việc hình thành Công ty cổ phần Thiết bị hiện nay được thành lập trên cơ sở của 2 đơn vị chủ yếu: kho Đông Anh tiền thân là kho Đông Anh thuộc Cục Thiết bị, Tổng cục vật tư và kho Phú Lãm tiền thân là tổng kho III thuộc Cục Thiết bị, Tổng cục vật tư. Các dấu mốc hình thành tên gọi Công ty cổ phần Thiết bị ngày nay như sau:

Công ty được thành lập từ năm 1959 với tên gọi là Tổng kho III – Hà Đông – thuộc Cục Thiết bị, Tổng cục vật tư.

Ngày 01/7/1983: Sáp nhập Tổng kho I và Tổng kho II của Bộ vật tư theo Quyết định số 388/VT-QĐ thành Công ty Thiết bị thuộc Liên hiệp xuất nhập khẩu vật tư – Bộ Vật Tư.

Ngày 11/9/1985: Công ty có tên gọi là Công ty Thiết bị - thuộc Tổng công ty Thiết bị và phụ tùng – Bộ vật tư.

Ngày 28/5/1993: Công ty có tên gọi là Công ty Thiết bị - trực thuộc Tổng Công ty Máy và phụ tùng – Bộ Thương Mại.

Ngày 23/5/2003: Công ty có tên gọi là Công ty Thiết bị - Bộ Thương Mại

Tháng 12/2005: Khai trương Tòa thương mại Machinco1 số 10 Trần Phú – Hà Đông với quy mô 7 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng gần 5.000m².

Ngày 01/4/2006, Công ty Thiết bị chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quyết định số 2357/QĐ-BTM của Bộ Thương Mại, với vốn điều lệ ban đầu là 18.000.000.000 đồng.

Năm 2007: vốn điều lệ Công ty tăng lên 24.303.000.000 đồng.
Năm 2008: vốn điều lệ Công ty tăng lên 30.136.500.000 đồng
Năm 2009: vốn điều lệ Công ty tăng lên 31.944.160.000 đồng
Năm 2010: vốn điều lệ Công ty tăng lên 36.735.090.000 đồng
Năm 2012: Công ty được tặng Cờ thi đua của Chính Phủ đã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2012 của ngành Công Thương.
Năm 2013: Nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng.
Năm 2017: Vốn điều lệ Công ty tăng lên 44.081.490.000 đồng
Năm 2018:
➤ Vốn điều lệ Công ty tăng lên 52.897.150.000 đồng
➤ Khai trương Trung tâm thương mại MacPlaza – số 10 Trần Phú Hà Đông với quy mô 7 tầng nổi 1 tầng hầm, tổng diện tích sàn xây dựng gần 25.000 m².
Năm 2020: Chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết bị (mã chứng khoán: MA1) trên sàn giao dịch Upcom vào 29/6/2020.

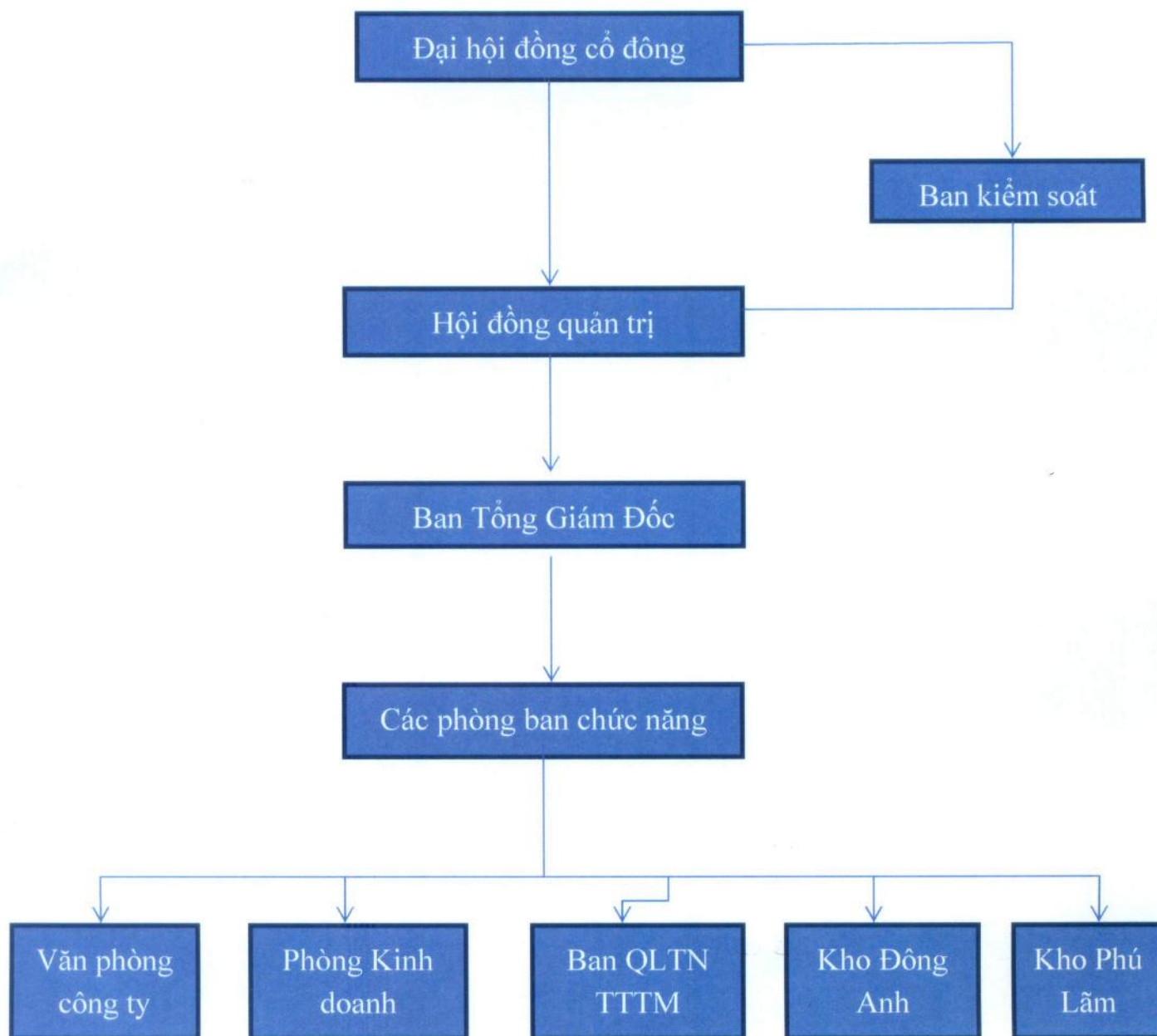
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu đến từ hai hoạt động chính:
 - + Hoạt động kinh doanh hàng hóa: kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng như hạt nhựa, bột màu, chất ổn định, thực phẩm, nông sản.
 - + Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ: trung tâm thương mại, kho bãi, văn phòng.
- Địa bàn kinh doanh tập trung tại trụ sở văn phòng Công ty Km9 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội và địa điểm phố Xóm, Phú Lãm & xã Việt Hùng, Uy Nỗ huyện Đông Anh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:**
 - Đại hội đồng cổ đông
 - Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 thành viên Hội đồng quản trị
 - Ban kiểm soát: 03 thành viên trong đó 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên Ban kiểm soát
 - Ban điều hành: 04 thành viên, trong đó 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó Tổng Giám Đốc và 01 Kế toán trưởng
 - Các phòng ban chức năng

- **Cơ cấu bộ máy quản lý**



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Khai thác mọi tiềm năng lợi thế, tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tăng trưởng bền vững, mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Tạo môi trường làm việc tốt và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, tài chính minh bạch, rõ ràng.
- Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;
- Nâng cao năng lực tài chính, trình độ công nghệ và dịch vụ, đội ngũ người lao động chuyên nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững;
- Tăng cường chất lượng dịch vụ tạo ra giá trị gia tăng cao và các dịch vụ có tính cạnh tranh cao;

- Liên kết với các đối tác chiến lược có tiềm lực về vốn, chuyên môn kỹ thuật,... để khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có của Công ty.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Xã hội càng phát triển, vấn đề phát triển bền vững càng được quan tâm. Phát triển bền vững có nghĩa bao hàm rộng, ngoài kinh tế, con người, văn hóa, xã hội, thì yếu tố môi trường cũng được chú trọng. Xác định rõ tầm quan trọng cũng như trách nhiệm của mình trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội. Trong quá trình hoạt động, Machincol đã có những hoạt động ý nghĩa, thiết thực đem lại những tác động tích cực và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

Mục tiêu, trách nhiệm với môi trường:

- Tại TTTM MacPlaza thường xuyên phối kết hợp với Hội sinh viên, Hội thanh niên tổ chức thực hiện sự kiện vì môi trường xanh thông qua các Workshop trưng bày các sản phẩm được làm từ đồ nhựa tái chế, các vật dụng gia đình, mô hình trang trí, vật dụng mang tính ứng dụng cao; khu trải nghiệm, hướng dẫn làm ra các vật dụng từ những chai nhựa hay vỏ lon bị vứt đi: lợn tiết kiệm, chậu cây, lọ hoa,...
- Tặng cho các khách hàng đến TTTM MacPlaza mua sắm túi vải để thay thế thói quen sử dụng túi nilon.
- Sử dụng tiết kiệm năng lượng.

Mục tiêu, trách nhiệm cộng đồng:

Với mong muốn chia sẻ, giúp đỡ vì cuộc sống của người bệnh và sức khỏe cộng đồng, Công ty cổ phần Thiết bị thường xuyên phối kết hợp với Viện Huyết học Trung ương tổ chức các ngày Hội Hiến Máu tại TTTM MacPlaza. Mỗi chương trình tổ chức đều thu hút được hàng ngàn bạn trẻ tình nguyện tham gia hiến máu góp phần bù đắp lượng máu thiếu hụt trong cộng đồng.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh trung tâm thương mại, dịch vụ văn phòng, kho bãi; kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu,... do đó hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những rủi ro kinh tế.

Trong năm 2020, kinh tế cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid. Nếu năm 2019 của Việt Nam tăng 7.02%, thì năm 2020 GDP cả nước chỉ tăng 2.91%, đây được xem là mức tăng thấp nhất trong các năm từ 2011-2020 do ảnh hưởng dịch diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó những rủi ro kinh tế cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro chính sách luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng đăng ký giao dịch UpCom trên Sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi thuế, đầu tư,... điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Là một công ty cổ

phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro cạnh tranh

Ngành kinh doanh xuất nhập khẩu, mua bán nguyên vật liệu phụ thuộc rất nhiều vào cung cầu thị trường cũng như biến động tỷ giá,...Giá cả nguyên vật liệu đầu vào, biến động tỷ giá, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngành kinh doanh dịch vụ bất động sản: trung tâm thương mại, văn phòng, kho bãi có mức độ cạnh tranh cao. Để tăng tính cạnh tranh, Công ty không ngừng sáng tạo, học hỏi, nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng hình ảnh doanh nghiệp cũng như các chương trình thiết thực để tri ân gắn kết khách hàng.

5.4. Rủi ro về môi trường

Môi trường gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa nhằm hạn chế bớt rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	Đánh giá	
					TH 2020/ KH2020	TH 2020/ TH2019
Tổng doanh thu, thu nhập	Triệu đồng	155.390	140.000	147.432	105%	95%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.321	18.000	24.765	137%	98%

Năm 2020 là một năm đặc biệt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng rất lớn từ đại dịch Covid - 19. Với sự lây lan nhanh và nghiêm trọng trên khắp thế giới, đại dịch này đã làm gián đoạn mọi hoạt động kinh tế thế giới do các biện pháp phong tỏa, đóng cửa biên giới và giãn cách xã hội. Ảnh hưởng của dịch Covid - 19 tới suy giảm tăng trưởng kinh tế được đánh giá là lớn hơn so với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008-2009.

Ở trong nước, tuy Chính phủ có biện pháp tốt để kiểm soát lây lan dịch Covid -19, nền kinh tế vẫn phải đối mặt không ít khó khăn khi GDP năm 2020 chỉ tăng 2,91% là mức tăng trưởng thấp nhất của thập kỷ 2011-2020, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp, tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch. Ngoài ra với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế ngày càng phức tạp khó lường.

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động và ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid -19 của năm 2020, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Thiết bị đã không ngừng nỗ lực trong mọi mặt hoạt động để hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, doanh số đạt 147 tỷ 432 triệu đồng bằng 105% kế hoạch, lợi nhuận đạt 24 tỷ 765 triệu bằng 137% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Điều Hành

➤ Ông VŨ THANH TÙNG - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 09/10/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 56 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số CMND: 001060018441; Nơi cấp: Cục trưởng Cục CS Hà Nội; Cấp ngày: 21/06/2019
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vô tuyến điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Thiết bị: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1983 - 02/1995	Tổng Công ty máy và phụ tùng	Chuyên viên
03/1995 - 07/1996	Công ty Thiết bị	Chuyên viên
07/1996 - 12/1997	Công ty Thiết bị	Phó phòng kinh doanh XNK
01/1998 - 10/1998	Công ty Thiết bị	Trưởng phòng KD XNK
11/1998 - 12/2001	Công ty Thiết bị	Phó Giám đốc quyền Giám đốc
1/2002 - 3/2006	Công ty Thiết bị	Tổng Giám đốc
4/2006 đến 7/2020	Công ty cổ phần Thiết bị	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
8/2020 đến nay	Công ty cổ phần Thiết bị	Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1.925.042 cổ phần chiếm tỷ lệ 36,39%

➤ Ông PHẠM MẠNH KIỂM - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 07/11/1963
- Nơi sinh: Tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Tây
- Số CMND: 019063000028 Nơi cấp: Cục cảnh sát Cấp ngày: 02/03/2016
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Thiết bị: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1984 - 03/1997	Công ty Thiết bị	Chuyên viên Kế toán
03/1997 - 04/1997	Công ty Thiết bị	Phó phòng kế toán
05/1997 - 06/1999	Xí nghiệp giày Phú Hà	Trưởng phòng kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1999 - 12/2000	Công ty Thiết bị	Phó phòng phụ trách phòng kế toán
01/2001 - 06/2002	Công ty Thiết bị	Trưởng phòng kế toán
07/2002 - 03/2006	Công ty Thiết bị	Phó Tổng giám đốc
04/2006 đến nay	Công ty cổ phần Thiết bị	TV HĐQT kiêm PTGD

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 193.022 cổ phần chiếm tỷ lệ 3,64%

➤ **Bà HOÀNG DIỆU THÚY - Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 25/09/1984
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 301-2D, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 001184003831 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Cấp ngày: 23/10/2014
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Thiết bị: Thành viên HĐQT, Phó TGD kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2006 - 02/2011	Công ty cổ phần thiết bị	Chuyên viên phòng TCHC
03/2011 - 06/2012	Công ty cổ phần thiết bị	Phó phòng TCHC
07/2012 - 04/2013	Công ty cổ phần thiết bị	Phó phòng Tổng hợp
05/2013 - 2017	Công ty cổ phần thiết bị	Trưởng phòng tổng hợp
2017 - 02/2020	Công ty cổ phần thiết bị	Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng KD
3/2020 đến 6/2020	Công ty cổ phần thiết bị	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng kinh doanh
7/2020 đến nay	Công ty cổ phần thiết bị	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 95.185 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,79%

➤ **Bà HOÀNG THỊ LIÊN HỒNG - Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 14/08/1979
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P608 CT2A - Văn Quán - Hà Đông – Hà Nội
- Số CMND: 017202727 Nơi cấp: Công An HN Cấp ngày: 15/11/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Thiết bị: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002 - 02/2005	Chi nhánh Công ty TM và XNK	Chuyên viên phòng TCKT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Nghệ An tại Hà Nội	
02/2005 - 02/2006	Công ty thiết bị	Chuyên viên phòng TCKT
03/2006 – 02/2010	Công ty cổ phần thiết bị	Chuyên viên phòng TCKT
03/2010 - 06/2017	Công ty cổ phần thiết bị	Phó phòng TCKT
07/2017 - nay	Công ty cổ phần thiết bị	Kế toán trưởng, TVHĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 312.115 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,9%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thông qua quyết định về nhân sự Ban điều hành như sau: Bà Hoàng Diệu Thúy được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám Đốc Công ty từ ngày 01/3/2020.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thiết bị có cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2020 như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
- Trên đại học	02	4,34
- Đại học	33	71,74
- Cao đẳng	04	8,7
- Trung cấp	04	8,7
- Lao động phổ thông	03	6,52
Tổng cộng	46	100,00

2.4. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động

Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn CBNV, theo đó tạo động lực khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm thân thể cho CBNV.

Công ty đã xây dựng chính sách khen thưởng, theo đó CBNV có thành tích đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Chính sách phúc lợi cũng thường xuyên được Ban lãnh đạo nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nhằm duy trì chế độ phúc lợi cho CBNV.

3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án lớn trong năm 2020: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm (so với 2019)
Tổng giá trị tài sản	300.629.678	268.194.834	-11%
Doanh thu thuần	154.804.537	144.262.510	-7 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.616.155	21.930.088	-14%
Lợi nhuận khác	(294.389)	2.835.608	+1.063%
Lợi nhuận trước thuế	25.321.765	24.765.696	-2%
Lợi nhuận sau thuế	20.146.396	21.251.717	+5%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn(lần):			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,85	0,68	
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)			
TSLĐ – Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn	0,81	0,67	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Tổng nợ/Tổng tài sản (%)	64,72	55,21	
+ Tổng nợ /Vốn chủ sở hữu (%)	183,46	122,90	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng):			
Giá vốn hàng bán	59,17	116,79	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,50	0,43	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	13,01	15,00	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(%)	18,9	17,95	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(%)	6,7	7,96	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	16,5	15,20	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.289.715 cp
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 5.289.715 cp
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cp

5.2.Cơ cấu cổ đông

Tiêu chí	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
- Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ	5.289.715	100%
+ Cổ đông lớn	2.237.157	42,3%
+ Cổ đông nhỏ	3.052.558	57,7%
- Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	5.289.715	100%
+ Cổ đông tổ chức	0	0%
+ Cổ đông cá nhân	5.289.715	100%
- Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	5.289.715	100%
+ Cổ đông trong nước	5.289.715	100%
+ Cổ đông nước ngoài	0	0
- Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác	5.289.715	100%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0%
+ Cổ đông khác	5.289.715	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (09/03/2006) đến nay Công ty cổ phần Thiết bị đã trải qua 06 lần tăng vốn điều lệ, cụ thể:

Quá trình tăng vốn

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành (triệu đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
1	07/05/2007	18.000	6.303	24.303	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 480/CV-CPTB ngày 28/11/2007 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gửi tài liệu phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết bị số 481/BC-CPTB ngày 28/11/2007;
2	29/08/2008	24.303	5.833,5	30.136,5	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Thiết bị số 309/UBCK-GCN ngày 09/07/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu số 361/KQCB-CPTB ngày 03/09/2008;
3	12/06/2009	30.136,5	1.807,66	31.944,16	Phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu	- Ngày 19/05/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu thưởng của Công ty cổ phần Thiết bị; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng số 208/KQPH-CPTB ngày 12/06/2009 của Công ty cổ phần Thiết bị gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
4	07/06/2011	31.944,16	4.790,93	36.735,09	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Ngày 17/05/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010 của Công ty cổ phần Thiết bị;

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành (triệu đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
					cho các cổ đồng hiện hữu	- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 số 261/BCPH-TB ngày 13/06/2011 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
5	13/07/2017	36.735,09	7.346,4	44.081,49	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đồng hiện hữu	- Ngày 22/06/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo báo cáo phát hành số 413/BC-CPTB ngày 16/6/2017 của CTCP Thiết bị; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 526/2017- CPTB ngày 17/07/2017 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
6	05/09/2018	44.081,49	8.815,66	52.897,15	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Ngày 13/09/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Thông báo số 6090/UBCK-QLCB gửi Công ty cổ phần Thiết bị về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn CSH; - Ngày 10/9/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Báo cáo số 198/2018-CPTB ngày 10/9/2018 của Công ty cổ phần Thiết bị;

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty cổ phần Thiết bị luôn coi trọng yếu tố môi trường trong tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp. Trong quá trình vận hành hoạt động kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng, kho bãi, Công ty đã thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động lên môi trường, như sau:

- Giảm thiểu lãng phí năng lượng và tài nguyên thiên nhiên: hệ thống chiếu sáng công cộng thay thế sử dụng bóng đèn led tiết kiệm năng lượng, cài đặt timer tự động bật theo giờ, thiết bị cảm ứng bật/tắt khi có người sử dụng, sử dụng biến tần cài đặt cho một số thiết bị để điều chỉnh phụ tải.
- Công trình đầu mới như MacPlaza được sử dụng kính cách nhiệt để hạn chế tia UV, qua đó cũng giảm điện năng tiêu thụ trong công trình.
- Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại tòa nhà, kiểm soát và duy trì chất lượng nước thải đạt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.
- Tổ chức thu gom, phân loại rác thải và lựa chọn các đơn vị đủ năng lực để vận chuyển xử lý rác thải theo quy định.
- Tặng những túi vải cho khách hàng đến mua sắm tại TTTM MacPlaza thay thế sử dụng túi nilon nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường.
- Luôn tuân thủ các quy định của luật pháp và các quy định về môi trường.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động: là 46 người tính đến 31/12/2020
- Thu nhập bình quân người lao động

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân người lao động	8,8 Triệu đồng/tháng	9,9 Triệu đồng/tháng	11,2 Triệu đồng/tháng	17,2 Triệu đồng/tháng	18,6 Triệu đồng/tháng

- **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi và các hoạt động đào tạo người lao động.**

Bố trí sử dụng lao động: Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Toàn bộ lao động đều được Công ty giao kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng phù hợp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Thời gian làm việc: Người lao động đang làm việc tại Công ty thực hiện theo chế độ làm việc không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần, theo chức năng nhiệm vụ được phân công. Trong trường hợp do nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty đột xuất có thể bố trí lệch giờ so với quy định nêu trên nhưng phải thỏa thuận giữa người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền với người lao động và không trái với các quy định của Bộ Luật Lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày hoặc 14 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc và được cộng thêm ngày nghỉ phép cứ 05 năm được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn với nội dung chủ yếu sau:

Chính sách tuyển dụng: Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển.

Chính sách đào tạo: Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo cán bộ công nhân viên có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, trong đó ưu tiên và nhanh chóng đào tạo nâng cao năng lực quản lý tổ chức và thực hiện công tác tại hiện trường. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống; đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công bằng, công khai, chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để cán bộ công nhân viên sáng tạo trong công việc. Khuyến khích các thành viên làm việc hiệu quả, chất lượng cao. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người, đảm bảo thu nhập của cán bộ công nhân viên.

Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nổi tiếp truyền thống tốt đẹp từ nhiều năm qua, trong năm 2020 Công ty cũng tham gia nhiều hoạt động ủng hộ Quỹ vì người nghèo ở địa phương, ủng hộ các tỉnh bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ lụt, tổ chức kêu gọi và tham gia chương trình hiến máu nhân đạo vì sức khỏe cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 là năm đầy biến động, khó khăn và đặc biệt là sự bùng phát, lây lan chưa rõ hồi kết của đại dịch Covid 19 đã và đang làm trầm trọng thêm xu hướng suy thoái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế xã hội, tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

Nhận thức được các khó khăn trên, Ban điều hành Công ty đã chủ động lên các phương án vận hành, sát sao tình hình, tăng cường tiết kiệm các hạng mục chi phí chưa cần thiết để có những điều chỉnh kịp thời, góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đặt ra: tổng doanh thu là 147 tỷ 432 triệu đồng bằng 105% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 24 tỷ 765 triệu đồng bằng 137% kế hoạch.

❖ Đối với lĩnh vực kinh doanh hàng hóa:

Trước bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới, tình trạng thiếu nguyên vật liệu nhập khẩu đầu vào phục vụ các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ảnh hưởng không ít

đến hoạt động cung cấp hàng hóa của các doanh nghiệp trong thời gian vừa qua. Với Công ty cổ phần Thiết bị, mảng kinh doanh hàng hóa chỉ tập trung thực hiện một số mặt hàng chính là nguyên vật liệu cho ngành nhựa, ngành sữa với các đối tác có hoạt động kinh doanh lành mạnh, lịch sử thanh toán công nợ đúng hạn, nên mặc dù bối cảnh chung khó khăn nhưng nghiệp vụ và hiệu quả kinh doanh vẫn đảm bảo yêu cầu đề ra.

❖ **Đối với lĩnh vực kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng, kho bãi:**

Năm 2020 là một năm đặc biệt với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ với rất nhiều khó khăn. Xuyên suốt một năm liên tục phải giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến việc trả mặt bằng, thu hẹp diện tích, giãn nợ thanh toán, hỗ trợ tiền thuê, kích cầu mua sắm,.. do ảnh hưởng từ dịch Covid -19. Tất cả những khó khăn trên đã được sự tập trung chỉ đạo từ Ban lãnh đạo cùng nỗ lực của tập thể CBCNV. Diện tích văn phòng, kho bãi trống đã nhanh chóng tìm được khách thuê, kịp thời đưa ra những gói hỗ trợ để đối tác khách hàng vượt qua khó khăn để tiếp tục sử dụng dịch vụ của Công ty.

Kết quả, diện tích văn phòng, kho bãi đã lấp đầy được trên 95%, trung tâm thương mại là 70%. Mặc dù có sụt giảm về diện tích lấp đầy trong năm, nhưng do các điều khoản hợp đồng được ký kết chặt chẽ, nên nguồn thu trong năm 2020 vẫn đạt kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng giá trị tài sản năm 2020 là 268.194 triệu đồng, giảm 32.435 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ 12,1% so với năm 2019. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 8,92% tương đương với 23.923 tỷ đồng, chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn,..

Tài sản dài hạn chiếm 91,08% tương đương 244.271 triệu đồng, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư, tài sản dài hạn khác,..

Đây là một cơ cấu tài sản tương đối phù hợp với chiến lược kinh doanh dài hạn, phát huy lợi thế cũng như tiềm năng, phát triển dịch vụ cho thuê và khai thác tài sản hiện có của Công ty.

Trong các năm gần đây, công ty không phát sinh khoản nợ phải thu quá hạn nào. Các khoản nợ phải thu khách đều trước hạn và đúng hạn.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Về cơ cấu tỷ lệ nợ: Nợ phải trả/ tổng tài sản = 55,21%, trong đó

Nợ ngắn hạn/ tổng tài sản = 13,2%

Nợ dài hạn/tổng tài sản = 42,01%

Nợ phải trả tại thời điểm điểm 31/12/2020 là 148.090 triệu đồng giảm 46.482 triệu so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, các khoản vay ngắn hạn giảm và đặc biệt là tận dụng nguồn vốn từ khách hàng, vốn tự có để trả bớt nợ vay dài hạn so với kế hoạch đặt ra. Điều này thể hiện Công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả góp phần tăng tỷ suất lợi nhuận.

Công ty hiện nay không có các khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ ngắn hạn và trung dài hạn đều được công ty thanh toán trước hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã cơ cấu lại tổ chức các phòng ban theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình

sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã ổn định tổ chức hoạt động với 05 phòng chức năng: Văn phòng Công ty, Phòng Kinh doanh, Ban quản lý TTTM, Kho Đông Anh, Kho Phú Lâm. Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng Giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

- **Văn phòng Công ty:**

Công tác tổ chức hành chính:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức bộ máy hoạt động và quy hoạch, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển.
- Tham mưu pháp chế các hoạt động của công ty, quản lý hồ sơ lý lịch, thực hiện thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, thi đua, khen thưởng, nghỉ hưu, công tác thanh tra v.v... thực hiện chính sách, chế độ với người lao động theo quyết định của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
- Quản lý lao động, tiền lương, xây dựng tổng quỹ tiền lương và xét duyệt phân bổ quỹ tiền lương.
- Công tác hành chính, quản trị, văn thư lưu trữ, hệ thống công nghệ thông tin, bảo vệ, quân sự và con dấu.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện mua sắm văn phòng phẩm, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo mục tiêu Công ty đề ra.

Công tác Tài chính - Kế toán:

- Quản lý tài chính và chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tài chính - kế toán trong toàn Công ty nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Công ty, thực hiện nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước theo chế độ Tài chính kế toán do Nhà nước quy định.
- Hướng dẫn và tổ chức chấp hành các chính sách, các quy định nghiệp vụ của Công ty, của Nhà nước về tài chính kế toán một cách nghiêm túc, đúng đắn, kịp thời trong toàn Công ty.
- Phối hợp với các phòng Ban chuyên môn trong Công ty tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc công ty giao kế hoạch, tổng hợp kiểm tra, lập báo cáo đánh giá tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- **Phòng Kinh doanh:**

Công tác đầu tư xây dựng: Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn. Nghiên cứu thị trường bất động sản và các biện pháp xúc tiến thương mại nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực của Công ty.

Công tác kế hoạch tổng hợp: Xây dựng kế hoạch phát triển, quảng bá thương hiệu TTTM Mac Plaza và Công ty cổ phần Thiết bị. Xây dựng kế hoạch bao gồm cả kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo định hướng chiến lược của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của bộ phận.

Công tác kinh doanh dịch vụ: Thực hiện công tác khai thác kinh doanh mặt bằng, dịch vụ gia tăng gắn với hoạt động kinh doanh mặt bằng tại khu vực số 10 Trần Phú và hệ thống kho tàng của Công ty chủ động tìm kiếm khách hàng, theo dõi, nghiên cứu, nắm bắt diễn biến thị trường, đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy công tác khai thác có hiệu quả cao nhất.

Công tác kinh doanh hàng hóa: Phát triển thị trường kinh doanh hàng hóa theo chiến lược của Công ty: lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc lập kế hoạch, tiến hành các hoạt động kinh doanh mảng hàng hóa.

- **Ban Quản lý Tòa Nhà TTTM:**

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống trang thiết bị, cơ sở hạ tầng thuộc TTTM Mac Plaza và tòa nhà Văn phòng để tòa nhà hoạt động an toàn, hiệu quả và tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo các dịch vụ cung cấp một cách chuyên nghiệp đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Phối hợp với Phòng Kinh doanh đề xuất và triển khai phương án khai thác tòa nhà TTTM có hiệu quả, thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển, quảng bá thương hiệu TTTM Mac Plaza đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

- **Các kho:**

Cung cấp các dịch vụ cho thuê kho bãi, lưu giữ và phân phối hàng hóa của Công ty.

4. **Kế hoạch kinh doanh năm 2021**

Trên thế giới đại dịch Covid -19 vẫn đang diễn biến cực kỳ phức tạp tác động tiêu cực lên kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng trong vòng xoáy ảnh hưởng, vì vậy năm 2021 vẫn sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức. Công ty đề ra một số phương hướng hoạt động cho năm 2021 như sau:

Công tác kinh doanh dịch vụ

- Đối với TTTM MacPlaza: năm 2021 sẽ khó khăn hơn rất nhiều so với năm 2020 do tỷ lệ lấp đầy sụt giảm xuống dưới 70%, sức mua tiếp tục có dấu hiệu đi xuống, yếu tố xã hội - dịch bệnh lan truyền chưa dừng,... Vì vậy với mục tiêu đề ra là sớm đưa vào khai thác mặt bằng trống đồng thời duy trì các mặt bằng thuê hiện tại, thu hút ngày càng nhiều khách đến sử dụng dịch vụ tại TTTM, các giải pháp đặt ra như sau:

+ Năm bắt thông tin hoạt động của gian hàng để có giải pháp kịp thời đúng đắn hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn tiếp tục duy trì hoạt động, và đảm bảo nguồn thu cho TTTM.

+ Theo sát thị trường cho thuê mặt bằng bán lẻ, chủ động tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, nắm bắt cơ hội khai thác sớm nhất các diện tích trống.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo hoạt động của TTTM luôn đạt yêu cầu đề ra. Luôn luôn lắng nghe thấu hiểu khách hàng, phục vụ khách hàng bằng sự tận tâm, chuyên nghiệp.

+ Tìm những cách thức sáng tạo để triển khai công tác truyền thông, quảng cáo, tổ chức sự kiện sáng tạo, thu hút sự quan tâm của khách hàng.

+ Khai thác tối đa hiệu quả của các dịch vụ gia tăng tại TTTM như sân trước, sảnh, các vị trí quảng cáo ... để vừa tăng nguồn thu vừa làm không gian của Trung tâm sôi động, thu hút sự quan tâm của khách thuê mặt bằng, khách đến sử dụng dịch vụ.

- Đối với 2 kho: chăm sóc, duy trì khách hàng thuê hiện có. Công tác Vệ sinh Công nghiệp, PCCC và PCBL phải được kiểm tra thường xuyên và kịp thời xử lý các ý kiến phản ánh của khách hàng để đảm bảo luôn cung cấp dịch vụ tốt cho khách hàng thuê kho. Cảnh quan và đường nội bộ trong kho cần luôn được thông thoáng, sạch sẽ. Công tác an ninh bảo vệ cần được thực hiện nghiêm túc để đảm bảo an toàn cho tài sản, hàng hóa của khách hàng.

- Đối với tòa nhà văn phòng, công tác quản lý cần được đảm bảo để kịp thời thông tin, phối hợp xử lý các sự cố kỹ thuật, vệ sinh phát sinh, đảm bảo dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Công tác kinh doanh hàng hóa:

Công tác kinh doanh hàng hóa sẽ vẫn tập trung vào một số khách hàng truyền thống, thường xuyên để nắm bắt nhu cầu, tình hình kinh doanh để đảm bảo an toàn cho nguồn vốn.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Năm 2020, Công ty cổ phần Thiết bị luôn đảm bảo an toàn và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn được kiểm soát đảm bảo nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam. Thực hiện tiết kiệm năng lượng trong hoạt động kinh doanh bằng các giải pháp sử dụng thay thế các thiết bị tiết kiệm điện.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hiện nay, Công ty có tổng 46 cán bộ nhân viên – người lao động. Lực lượng lao động của công ty rất tinh gọn, Công ty luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển Công ty. Vì vậy, việc nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Trong suốt những năm qua, Công ty không chỉ thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, Công ty còn hỗ trợ các chế độ ưu tiên khác như phụ cấp xăng xe, tiền ăn trưa, điện thoại,...

Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo trong công việc, mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, thì trách nhiệm với cộng đồng địa phương luôn được quan tâm. Tất cả các phong trào quyên góp, ủng hộ người nghèo, đồng bào bị thiên tai, lũ lụt đều được Công ty đóng góp với tinh thần tương thân tương ái. Hàng năm, Công ty phát động phong trào hiến máu cứu người và thực hiện định kỳ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù bối cảnh chung còn nhiều khó khăn, thách thức, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đề ra. Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của pháp luật và theo Điều lệ của Công ty để thực hiện, kiểm tra, giám sát, đồng thời hỗ trợ Ban điều hành Công ty trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết chỉ đạo Ban điều hành triển khai các chính sách, biện pháp để giảm thiểu các tác động bất lợi của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy một năm hoạt động kinh doanh khó khăn nhưng Công ty cũng đã tối ưu hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông. Kết quả: Tổng doanh thu đạt 147 tỷ 432

triệu vượt kế hoạch 5%, lợi nhuận trước thuế đạt 24 tỷ 765 triệu đồng vượt kế hoạch 37% và thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 10% theo đúng kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Để đạt được thành tích trong hoạt động kinh doanh, Ban Giám Đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban điều hành duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tuần nhằm giải quyết tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn có sự nhất trí cao đưa ra các giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám Đốc trong điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong bối cảnh khó khăn của năm 2020.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021

Căn cứ kết quả đạt được trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch và định hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát, chỉ đạo Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội cổ đông thông qua kịp thời, an toàn và hiệu quả.
- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021 thành công;
- Chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông giao.
- Chỉ đạo củng cố, tăng cường cơ cấu đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường, công tác dịch vụ ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Tiết kiệm thêm nguồn nhiên liệu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện tốt thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời, đảm bảo dòng tiền đáp ứng hoạt động kinh doanh Công ty

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Vũ Tường Vân	Chủ tịch HĐQT	94.558	1,78%
Vũ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	1.925.042	36,39%
Phạm Mạnh Kiêm	Thành viên HĐQT	193.022	3,64%
Hoàng Thị Liên Hồng	Thành viên HĐQT	312.115	5,9%
Hoàng Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	95.185	1,79%

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thông qua quyết định về việc thay đổi Chủ tịch HĐQT như sau: Bà Vũ Tường Vân thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, ông Vũ Thanh Tùng giữ chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 01/8/2020.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự
Vũ Tường Vân	Chủ tịch HĐQT	09	100%
Vũ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	09	100%
Phạm Mạnh Kiểm	Thành viên HĐQT	09	100%
Hoàng Thị Liên Hồng	Thành viên HĐQT	09	100%
Hoàng Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	09	100%

Nội dung các cuộc họp:

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	04/NQ-HĐQT	26/2/2020	Thông qua việc nghiên cứu các chính sách, biện pháp giảm thiểu các tác động bất lợi liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Hoàn thiện các thủ tục lưu ký chứng khoán tại VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom; Bổ nhiệm nhân sự cấp cao.
2	05/NQ-HĐQT	27/5/2020	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2020
3	06/NQ-HĐQT	10/6/2020	Thông qua công tác cán bộ chủ chốt
4	07/NQ-HĐQT	17/6/2020	Thông qua nội dung các vấn đề trình ĐHCĐ thường niên 2020
5	08/NQ-HĐQT	22/7/2020	Về việc thay đổi Chủ tịch HĐQT
6	09/NQ-HĐQT	25/9/2020	Về việc vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, ..bảo đảm cấp tín dụng tại Viettinbank chi nhánh Hai Bà Trưng
7	10/NQ-HĐQT	31/10/2020	Về việc ký kết Hợp đồng lao động chức danh Tổng Giám Đốc
8	11/NQ-HĐQT	5/11/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền
9	12/NQ-HĐQT	25/11/2020	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Nguyễn Hồng Trang	Trưởng BKS	125.143	2,36%
Phạm Phương Lan	Thành viên BKS	27.615	0,52%
Phan Thị Thu Hương	Thành viên BKS	9.477	0,17%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát chú trọng công tác giám sát và phối hợp với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BDH) trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết

Đại hội cổ đông, các quy chế, quy trình hoạt động và các quy định pháp luật.

Hàng quý, Ban kiểm soát điều hợp và thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và công tác giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng hiệu quả hoạt động của Công ty. Phối hợp với HĐQT, BĐH trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

HĐQT, BĐH đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát mục tiêu, định hướng Đại hội cổ đông, triển khai các nhiệm vụ để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra BCTC quý, BCTC 6 tháng và cả năm của Công ty, thực hiện công tác kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

Kết quả giám sát HĐQT và BĐH:

HĐQT triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHCĐ, đưa ra những chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua.

BĐH luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. BĐH đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp, kiểm tra giám sát của BKS đều có sự tham gia của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và Ban kiểm soát

3.1. Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và quy chế lương và phân phối tiền thưởng của Công ty.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người nội bộ	Chức vụ tại MA1	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Diễn giải
		Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%	
Hoàng Thị Liên Hồng	Thành viên HĐQT	303.301	5,7	312.115	5,9	Mua
Hoàng Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	83.815	1,58	95.185	1,79	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006, trở thành Công ty đại chúng từ năm 2007 và cổ phiếu được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom từ năm 2020. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT,

Ban Giám Đốc luôn được minh bạch. Đội ngũ quản trị Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam:

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Tùng



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Đã được kiểm toán).



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1-2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	8-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Thiết bị được thành lập theo quyết định 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển đổi Công ty Thiết bị thành Công ty cổ phần Thiết bị; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011186 ngày 09 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 09 với mã số doanh nghiệp 0500233549 ngày 08/11/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã tham gia điều hành trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Bà:	Vũ Tường Vân	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020)
Ông:	Vũ Thanh Tùng	Ủy viên	(Thôi đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT, đảm nhận chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 01/08/2020)
Ông:	Phạm Mạnh Kiểm	Ủy viên	
Bà:	Hoàng Thị Liên Hồng	Ủy viên	
Bà:	Hoàng Diệu Thúy	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông:	Vũ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông:	Phạm Mạnh Kiểm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà:	Hoàng Diệu Thúy	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2020)

Ban Kiểm soát

Bà:	Nguyễn Hồng Trang	Trưởng ban
Bà:	Phạm Phương Lan	Thành viên
Bà:	Phan Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: 260/BCKT-TC/AVA-NV2

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Thiết bị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thiết bị (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/03/2021, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)



Nguyễn Sơn Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số 0591-2018-126-1
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Lê Thùy Dương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số 2879-2020-126-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.923.365.995	41.584.645.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.074.900.299	5.389.564.236
1. Tiền	111		1.074.900.299	1.989.564.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.526.449.926	28.592.040.804
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	23.167.733.324	29.401.437.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	41.379.901	39.583.896
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	209.138.451	583.253.493
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(891.801.750)	(1.432.233.999)
			-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.06	102.636.378	1.665.736.449
1. Hàng tồn kho	141		102.636.378	1.665.736.449
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		219.379.392	5.937.304.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	219.379.392	299.650.622
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.637.653.676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		244.271.468.419	259.045.041.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	1.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		60.420.836.668	67.536.339.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	60.420.836.668	67.536.339.095
- Nguyên giá	222		118.379.171.526	117.016.009.129
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(57.958.334.858)	(49.479.670.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	181.037.207.023	185.360.525.278
- Nguyên giá	231		196.747.362.111	196.247.362.111
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(15.710.155.088)	(10.886.836.833)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		80.922.727	80.922.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	80.922.727	80.922.727
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.732.502.001	5.067.254.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	2.732.502.001	5.067.254.233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		268.194.834.414	300.629.687.120

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.090.024.630	194.572.236.985
I. Nợ ngắn hạn	310		35.405.864.995	49.088.638.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.469.735.856	3.714.187.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	18.739.131	527.954.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.417.738.916	2.934.367.488
4. Phải trả người lao động	314		1.758.256.000	1.622.399.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	186.259.977	744.199.965
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	4.567.770.751	9.739.772.568
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	3.476.168.419	2.999.586.726
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	11.966.656.597	23.336.634.091
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.190.000.000	1.300.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.354.539.348	2.169.535.561
II. Nợ dài hạn	330		112.684.159.635	145.483.598.804
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	12.684.159.635	13.483.598.804
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	100.000.000.000	132.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.104.809.784	106.057.450.135
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	120.104.809.784	106.057.450.135
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.897.150.000	52.897.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.897.150.000	52.897.150.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		106.064.590	106.064.590
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.849.878.027	31.241.467.908
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		36.251.717.167	21.812.767.637
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.000.000.000	21.812.767.637
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.251.717.167	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		268.194.834.414	300.629.687.120

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Phương Lan



Hoàng Thị Liên Hồng



Vũ Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	144.262.510.525	155.087.446.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	282.908.652
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		144.262.510.525	154.804.537.598
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	103.266.708.332	106.320.623.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.995.802.193	48.483.913.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	529.794.575	323.781.878
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.284.157.143	15.823.360.501
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.284.087.877	15.823.169.784
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.093.566.975	1.411.676.995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.217.784.988	5.956.502.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.930.087.662	25.616.155.850
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.170.474.381	262.598.025
12. Chi phí khác	32	VI.9	334.866.159	556.987.981
13. Lợi nhuận khác	40		2.835.608.222	(294.389.956)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.765.695.884	25.321.765.894
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	3.513.978.717	5.175.369.199
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.251.717.167	20.146.396.695
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	4.018	3.521
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	4.018	3.521

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Phương Lan



Hoàng Thị Liên Hồng



Vũ Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

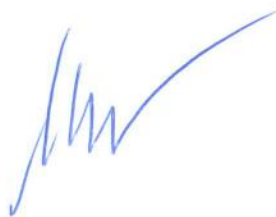
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		156.213.328.695	173.490.714.276
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(76.792.565.807)	(89.938.223.263)
3. Tiền chi trả người lao động	03		(9.387.851.500)	(7.953.012.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.436.730.218)	(15.870.967.435)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.875.369.199)	(3.744.091.917)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.276.770.134	5.207.366.905
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.336.761.807)	(16.988.293.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.660.820.298	44.203.492.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.510.731.596)	(1.180.053.705)
2. Tiền thu từ T.Lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	43.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi C.vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112.770.121	49.948.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.397.961.475)	(1.086.468.669)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		67.587.212.431	67.635.304.653
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.957.189.925)	(107.381.380.223)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.207.476.000)	(2.942.887.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(48.577.453.494)	(42.688.962.570)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.314.594.671)	428.061.604
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.389.564.236	4.961.539.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(69.266)	(36.893)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.074.900.299	5.389.564.236

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Phương Lan



Hoàng Thị Liên Hồng



Vũ Thanh Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2020****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thiết bị được thành lập theo quyết định 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển đổi Công ty Thiết bị thành Công ty cổ phần Thiết bị; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011186 ngày 09 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 với mã số doanh nghiệp 0500233549 ngày 08/11/2018.

Vốn điều lệ: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500233549, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/11/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 52.897.150.000 đồng tương đương 5.289.715 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thực phẩm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp và giao nhận hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống, khách sạn, tư vấn, cho thuê văn phòng, nhà xưởng kho tàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản bao gồm: môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về đất), dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý xăng dầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công và kinh doanh da dầy; tổ chức sản xuất và gia công, lắp ráp, bảo dưỡng sửa chữa các loại máy, thiết bị, phương tiện vận tải;
- Bán buôn tổng hợp, chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị văn phòng, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); rượu bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar); kinh doanh hàng công nghiệp điện tử, tiêu dùng, nông sản, hải sản, phối thép, thép thông dụng, trang thiết bị vật tư cho ngành: điện, điện lạnh, điện tử; kinh doanh và đại lý bán các loại máy, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ phục vụ xây dựng, thi công cơ giới, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, phương tiện vận tải (ô tô, xe máy), phụ tùng ô tô các loại, dây chuyền sản xuất và phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu cho sản xuất.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, các dây chuyền sản xuất và phụ tùng, nguyên vật liệu cho sản xuất; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho tàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Hoạt động trong năm của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Báo cáo của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

40 - 44 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và công ty có khả năng thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2020, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới Báo cáo tài chính của Công ty, việc xác định sau cùng về nghĩa vụ của Công ty tùy thuộc vào kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế. Công ty sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước sau khi nhận được Thông báo từ cơ quan có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ công nhân viên của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020		
Tiền	1.074.900.299	1.989.564.236		
Tiền mặt tại quỹ	294.176.000	276.909.000		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	780.724.299	1.712.655.236		
Các khoản tương đương tiền	-	3.400.000.000		
Cộng	1.074.900.299	5.389.564.236		
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2020	01/01/2020		
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.167.733.324	29.401.437.414		
Công ty CP Thực phẩm và đồ uống Quốc tế	12.721.779.138	12.050.897.913		
Công ty TNHH Nhựa Á Đông	3.053.601.361	6.595.105.468		
Công ty CP Bánh mứt kẹo Bảo Minh	1.313.230.600	4.115.586.200		
Các khách hàng khác	6.079.122.225	6.639.847.833		
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-		
Cộng	23.167.733.324	29.401.437.414		
3. Trả trước cho người bán	31/12/2020	01/01/2020		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	41.379.901	39.583.896		
Công ty cổ phần Nhôm và Cơ khí xây lắp Việt Pháp	-	21.491.096		
Công ty cổ phần truyền thông và tổ chức sự kiện Á Châu	-	9.292.800		
Công ty TNHH XD và Dịch vụ DHD Việt nam	12.579.901	-		
Công ty cổ phần đại siêu thị Mê Linh	10.000.000	-		
Công ty cổ phần Nội thất Châu Á	10.000.000	-		
Công ty TNHH TM và DV Thanh Cương	8.800.000	8.800.000		
Người bán khác	-	-		
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-		
Cộng	41.379.901	39.583.896		
4. Phải thu khác	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	209.138.451	-	583.253.493	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	7.134.247	-
Tạm ứng	13.050.000	-	46.000.000	-
Phải thu lãi chậm trả	112.654.033	-	111.269.434	-
Phải thu khác	83.434.418	-	418.849.812	-
b) Dài hạn	-	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ (*)	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	209.138.451	-	1.583.253.493	-

5. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH An Phú Linh	-	-	540.432.249	-
Công ty TNHH nhựa công nghiệp Mai Huy	891.801.750	-	911.801.750	-
Cộng	891.801.750	-	1.452.233.999	-

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng giá trị trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ xấu nêu trên là: 891.801.750 đồng. Các khoản nợ trên đều là khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu hồi được và đã được trích lập dự phòng theo quy định.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	102.636.378	-	118.690.218	-
Hàng hóa	-	-	1.547.046.231	-
Cộng	102.636.378	-	1.665.736.449	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	219.379.392	299.650.622
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	148.431.759	184.045.686
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.947.633	115.604.936
b) Dài hạn	2.732.502.001	5.067.254.233
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	454.521.059	755.033.744
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	594.178.983	658.529.238
Chi phí môi giới khách hàng thuê mặt bằng	1.561.405.514	2.487.815.980
Tiền thuê đất trong thời gian xây dựng tòa nhà Macplaza	-	1.059.519.053
Chi phí trả trước dài hạn khác	122.396.445	106.356.218
Cộng	2.951.881.393	5.366.904.855

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, DCQL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.202.469.674	63.663.672.344	3.010.810.190	139.056.921	117.016.009.129
Mua trong năm	-	227.272.728	-	-	227.272.728
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.283.458.868	-	-	-	1.283.458.868
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(147.569.199)	-	-	-	(147.569.199)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	51.338.359.343	63.890.945.072	3.010.810.190	139.056.921	118.379.171.526
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.315.626.618	11.595.441.051	2.429.545.444	139.056.921	49.479.670.034
Khấu hao trong năm	1.986.848.621	6.338.304.382	301.081.020	-	8.626.234.023
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(147.569.199)	-	-	-	(147.569.199)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	37.154.906.040	17.933.745.433	2.730.626.464	139.056.921	57.958.334.858
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.886.843.056	52.068.231.293	581.264.746	-	67.536.339.095
Tại ngày cuối năm	14.183.453.303	45.957.199.639	280.183.726	-	60.420.836.668

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

22.195.416.683 đồng

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

5.275.471.250 đồng

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	196.247.362.111	500.000.000	-	196.747.362.111
- Nhà	196.247.362.111	500.000.000		196.747.362.111
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	10.886.836.833	4.823.318.255	-	15.710.155.088
- Nhà	10.886.836.833	4.823.318.255	-	15.710.155.088
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	185.360.525.278	500.000.000	4.823.318.255	181.037.207.023
- Nhà	185.360.525.278	500.000.000	4.823.318.255	181.037.207.023
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

181.037.207.023 đồng

10. Tài sản dở dang dài hạn

a) Xây dựng cơ bản dở dang

- Dự án khu đô thị Phú Lãm

Cộng

31/12/2020 01/01/2020

80.922.727 80.922.727

80.922.727 80.922.727

80.922.727 80.922.727

11. Phải trả người bán

31/12/2020

01/01/2020

a) Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty ECOBA Việt Nam

Công ty CP Đại Tân Việt

Công ty cổ phần công nghiệp Âu Việt

Công ty tư vấn đại học xây dựng

Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Long Hải

Y & M International Corp

Người bán khác

b) Phải trả người bán dài hạn

Cộng

Giá trị

Số có khả năng trả nợ

Giá trị

Số có khả năng trả nợ

5.469.735.856 5.469.735.856

3.714.187.860 3.714.187.860

- -

826.650.000 826.650.000

4.398.442.500 4.398.442.500

- -

- -

1.185.800.000 1.185.800.000

294.326.000 294.326.000

496.096.000 496.096.000

- -

415.800.000 415.800.000

- -

558.252.500 558.252.500

776.967.356 776.967.356

231.589.360 231.589.360

- -

- -

- -

- -

5.469.735.856 5.469.735.856

3.714.187.860 3.714.187.860

12. Người mua trả tiền trước	31/12/2020	01/01/2020
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>18.739.131</i>	<i>527.954.422</i>
Công ty TNHH Sunrise colours Việt Nam	-	510.028.043
Khách hàng khác	18.739.131	17.926.379
<i>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	18.739.131	527.954.422

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2020
<i>Các khoản phải nộp</i>	<i>3.417.738.916</i>	<i>14.020.118.806</i>	<i>13.536.747.378</i>	<i>2.934.367.488</i>
Thuế GTGT phải nộp	656.152.299	2.451.731.167	1.795.578.868	-
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	656.152.299	656.152.299	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.795.578.868	1.795.578.868	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	362.894.061	362.894.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.978.717	3.513.978.717	3.875.369.199	2.675.369.199
Thuế thu nhập cá nhân	447.607.900	640.712.250	452.102.639	258.998.289
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	6.545.802.611	6.545.802.611	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	500.000.000	500.000.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>186.259.977</i>	<i>744.199.965</i>
Chi phí lãi vay	84.947.746	237.590.087
Chi phí phải trả khác	101.312.231	506.609.878
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	186.259.977	744.199.965

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhận trước	4.567.770.751	9.739.772.568
Cộng	4.567.770.751	9.739.772.568

16. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>3.476.168.419</i>	<i>2.999.586.726</i>
Kinh phí công đoàn	170.517.740	132.081.740
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	604.601.217	669.694.524
Cổ tức phải trả	2.274.167.000	2.191.928.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	426.882.462	5.882.462
<i>b) Dài hạn</i>	<i>12.684.159.635</i>	<i>13.483.598.804</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.684.159.635	13.483.598.804
Cộng	16.160.328.054	16.483.185.530

17. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.966.656.597	11.966.656.597	67.587.212.431	78.957.189.925	23.336.634.091	23.336.634.091
Vay ngắn hạn	11.966.656.597	11.966.656.597	67.587.212.431	78.957.189.925	23.336.634.091	23.336.634.091
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	14.956.920.412	15.851.037.618	894.117.206	894.117.206
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (1)	11.966.656.597	11.966.656.597	52.630.292.019	63.106.152.307	22.442.516.885	22.442.516.885
b) Vay dài hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	32.000.000.000	132.000.000.000	132.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	32.000.000.000	132.000.000.000	132.000.000.000
Cộng	111.966.656.597	111.966.656.597	67.587.212.431	110.957.189.925	155.336.634.091	155.336.634.091

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay

- (1) Số dư tại ngày 31/12/2020 là của Hợp đồng cho vay hạn mức số 139/2020-HĐCVHM/NHCT142-TB ngày 08 tháng 05 năm 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số SDDBS01/139/2020-HĐCVHM/NHCT142-TB ngày 08/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Công ty Cổ phần Thiết Bị. Hạn mức cho vay không vượt quá 35.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Bên vay. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 07/05/2021, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng/giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân; lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất tại 31/12/2020 là 6,2-6,5%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 131/HDTCTS ngày 07/08/2014.
- (2) Số dư tại 31/12/2020 là của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/DH/VCBHN-MACHINCO1 ngày 26 tháng 05 năm 2016. Hạn mức tín dụng: 219,239 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan đến liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án "Tổ hợp thương mại, văn phòng cho thuê MACHINCO1". Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn trả gốc vay: Thời gian ân hạn là tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá 06 tháng kể từ thời điểm phát sinh doanh thu dự án. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời gian ân hạn, Ngân hàng sẽ lập lịch trả nợ gốc và thông báo lịch trả nợ đến Công ty. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,8%/năm, lãi suất sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là lãi suất cơ sở cộng mức biên; Lãi suất tại 31/12/2020 là 8,5%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản, quyền tài sản hình thành trong tương lai từ dự án là công trình trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng cho thuê đang được xây dựng và tạo lập trên thửa đất tại số 10 đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và các tài sản đảm bảo khác theo các hợp đồng thế chấp tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Km 9, đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng quỹ tiền lương phải trả
Cộng

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	1.190.000.000	1.300.000.000
Cộng	1.190.000.000	1.300.000.000

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.897.150.000	106.064.590	20.241.467.908	18.824.165.356	92.068.847.854
- Lãi trong năm trước	-	-	-	20.146.396.695	20.146.396.695
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(868.079.414)	(868.079.414)
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(5.289.715.000)	(5.289.715.000)
Số dư đầu năm nay	52.897.150.000	106.064.590	31.241.467.908	21.812.767.637	106.057.450.135
- Lãi trong năm nay	-	-	-	21.251.717.167	21.251.717.167
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.523.052.637)	(1.523.052.637)
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(5.289.715.000)	(5.289.715.000)
- Giảm khác	-	-	(391.589.881)	-	(391.589.881)
Số dư cuối kỳ	52.897.150.000	106.064.590	30.849.878.027	36.251.717.167	120.104.809.784

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 233/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2019, cụ thể như sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.523.052.637
- Trả cổ tức cho cổ đông:	5.289.715.000
Tổng cộng	6.812.767.637

b) Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Vốn góp của cổ đông lớn (trên 5%)	42,29%	22.371.570.000	42,13%	22.283.430.000
Vốn góp của đối tượng khác	57,71%	30.525.580.000	57,87%	30.613.720.000
Cộng	100%	52.897.150.000	100%	52.897.150.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.897.150.000	52.897.150.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	52.897.150.000	52.897.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.289.715.000	5.289.715.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.289.715	5.289.715
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.289.715	5.289.715
- Cổ phiếu phổ thông	5.289.715	5.289.715
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.289.715	5.289.715
- Cổ phiếu phổ thông	5.289.715	5.289.715
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
- Quỹ đầu tư phát triển	30.849.878.027	31.241.467.908

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	906,14	930,89
- Đồng Euro (EUR)	-	-

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
- Nợ khó đòi đã xử lý	835.251.872	294.819.623

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	59.562.578.878	61.994.434.223
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.063.585.861	83.328.431.954
- Doanh thu từ điện, nước của khách hàng thuê văn phòng, kho, TTTM	8.636.345.786	9.764.580.073
Cộng	144.262.510.525	155.087.446.250

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	282.908.652
-	282.908.652

3. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

- Giá vốn từ điện, nước của khách hàng thuê văn phòng, kho, TTTM

- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán

+ Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
57.698.224.170	60.063.961.884
36.932.138.376	36.764.581.643
8.636.345.786	9.764.580.074
-	(272.500.000)
-	(272.500.000)
103.266.708.332	106.320.623.601

4. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi bán hàng chậm trả

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
14.937.897	50.936.661
424.158.701	272.845.217
90.697.977	-
529.794.575	323.781.878

5. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay

- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm

- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm

Cộng

Năm nay	Năm trước
12.284.087.877	15.823.169.784
-	153.824
69.266	36.893
12.284.157.143	15.823.360.501

6. Chi phí bán hàng

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.271.852	11.177.818
902.251.000	996.830.300
110.649.258	206.557.027
77.394.865	197.111.850
1.093.566.975	1.411.676.995

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp*a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm*

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Thuế, phí, lệ phí

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Cộng

Năm nay	Năm trước
6.217.784.988	5.976.502.529
424.840.128	430.490.945
3.831.810.500	4.079.560.300
310.807.386	314.035.626
344.841.900	192.547.950
998.053.499	645.400.367
307.431.575	314.467.341
-	(20.000.000)
-	(20.000.000)
6.217.784.988	5.956.502.529

8. Thu nhập khác

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng thu được
- Thu nhập từ việc bán thanh lý tài sản
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.166.369.832	207.478.381
-	43.636.364
4.104.549	11.483.280
3.170.474.381	262.598.025

9. Chi phí khác

- Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ và phụ cấp HĐQT không chuyên trách
- Các khoản phạt về thuế và vi phạm hành chính
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
290.646.208	197.043.208
43.436.624	358.000.000
783.327	1.944.773
334.866.159	556.987.981

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí tiền lương, nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng (*)

Năm nay	Năm trước
633.661.724	771.831.702
10.493.487.500	11.090.520.400
13.400.372.220	13.424.167.431
17.613.988.741	18.997.883.613
10.738.325.940	9.632.938.095
52.879.836.125	53.917.341.241

(*) Do lĩnh vực kinh doanh của đơn vị là hoạt động thương mại mua bán hàng hóa do đó chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá mua hàng hóa.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)****Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ) (2)**

- Phần vượt chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ và thù lao HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp
- Chi phí phạt vi phạm hành chính
- Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối kỳ

Các khoản điều chỉnh giảm (3)**Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) - (3) + (2)****Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (5)****Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông (6) = (4) * (5)****Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm****Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp**

Năm nay	Năm trước
24.765.695.884	25.321.765.894
334.152.098	555.080.101
290.646.208	197.043.208
43.436.624	358.000.000
69.266	36.893
-	-
25.099.847.982	25.876.845.995
20%	20%
5.019.969.596	5.175.369.199
1.505.990.879	-
3.513.978.717	5.175.369.199

Theo Điều 2 của Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội "Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng". Tổng doanh thu năm 2020 của Công ty là 144.262.510.525 đồng, theo đó Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020.

12. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước trình bày lại
- Lợi nhuận sau thuế	21.251.717.167	20.146.396.695
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.523.052.637)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	1.523.052.637
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.251.717.167	18.623.344.058
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.289.715	5.289.715
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.018	3.521
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.018	3.521

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2019 được trình bày nêu trên đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 do phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 233/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020. Số liệu trước và sau khi trình bày lại như sau:

	Năm trước	Năm trước trình bày lại
- Lợi nhuận sau thuế	20.146.396.695	20.146.396.695
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.523.052.637)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	1.523.052.637
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.146.396.695	18.623.344.058
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.289.715	5.289.715
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.809	3.521
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.809	3.521

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2020 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do tại thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau ngày lập báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan***Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị***

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị
Cộng

Năm nay	Năm trước
2.764.369.000	2.039.905.000
2.764.369.000	2.039.905.000

3. Báo cáo theo bộ phận***Theo lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, hoạt động dịch vụ và hoạt động khác, tuy nhiên do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như do nhu cầu quản lý, tại một địa bàn có thể tiến hành hai hay nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, một khoản chi phí có thể liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp khác nhau. Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành để xây dựng "Chính sách kế toán" tại Công ty, trong đó có "Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cũng như tập hợp chi phí kinh doanh, ghi nhận giá vốn". Căn cứ vào những nguyên tắc này, các khoản doanh thu, chi phí, thu nhập nếu liên quan đến nhiều đối tượng sẽ được phân bổ theo tiêu thức phù hợp. Do vậy, việc xây dựng báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh không được đặt ra tại Công ty, việc xác định kết quả theo từng hoạt động được đánh giá theo tiêu thức phân bổ phù hợp dựa trên hệ thống chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành.

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn thành phố Hà Nội nên Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin so sánh

Như đã nêu tại mục VI.12 nêu trên, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước (năm 2019) được trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là: 3.809 đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước được trình bày lại trên báo cáo tài chính năm nay là: 3.521 đồng do số liệu tính toán đã trừ đi giá trị thực tế trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 233/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 (tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm trước, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán chưa trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Thiết bị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phạm Phương Lan

Hoàng Thị Liên Hồng

Vũ Thanh Tùng